

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 24-02-2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Doan

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh
Ông Bùi Đức Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thanh Hương - Cán bộ Tòa
án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Hà
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử
phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số
19/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15/09/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày
04/08/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh bị kháng
cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2021/QĐ-PT ngày
23/12/2021, Quyết định hoãn số 01/2022/QĐ-PT ngày 13/01/2022 giữa các
đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị **Vũ Thị Huyền Trang**; sinh năm: 1992; HKTT: thôn
3, xã Hiệp Hòa, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: thôn 9, xã Sông Khoai,
TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Bùi Quang
Trung – Luật sư Văn phòng Luật sư 365 chi nhánh miền Bắc; địa chỉ: số nhà 66,

phố Ngô Quyền, khu 5, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** anh **Đình Văn Lượng**; sinh năm: 1984; nơi cư trú: thôn 3, xã Hiệp Hòa, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Hoàng Mạnh Phú; sinh năm 1950; địa chỉ: số nhà 60, đường Lê Lợi, phường Quảng Yên, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông **Vũ Văn Quy**; sinh năm 1965; địa chỉ: thôn 9, xã Sông Khoai, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện theo ủy quyền: bà Đình Thị Yên; sinh năm: 1964; địa chỉ: thôn 9, xã Sông Khoai, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và bà **Đình Thị Yên**; sinh năm: 1964; địa chỉ: thôn 9, xã Sông Khoai, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4. **Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh.

5. **Người kháng cáo:** nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Trang và bị đơn anh Đình Văn Lượng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Trang trình bày:

Chị và anh Đình Văn Lượng kết hôn vào tháng 08 năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn, hai bên có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với mẹ đẻ anh Lượng tại thôn 3, xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xúc phạm đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, hai bên sống ly thân từ tháng 02 năm 2018. Nay chị Trang xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đình Văn Lượng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đình Phương Liên, sinh ngày 19/04/2012 và Đình Gia Lâm sinh ngày 29/11/2014. Khi ly hôn, chị Trang

đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Lượng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi đề ngày 04/03/2020, bản tự khai chị Trang xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 02/04/2021, chị Trang không đồng ý chia tài sản chung, lý do sau khi kết hôn vào tháng 08 năm 2011 vợ chồng về chung sống cùng với mẹ đẻ anh Lượng tại thôn 3, xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, cho đến tháng 01 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh ở, vì thương chị và các cháu nên bố, mẹ chị đã bỏ số tiền 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*) để mua của bà Trần Thị Xuân thửa đất 175m² tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, bố chị là người trực tiếp trả tiền cho anh Tịnh con bà Xuân và bảo chị đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Xuân, khi làm hợp đồng chuyển nhượng chị và bà Xuân đã đến UBND xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên làm thủ tục công chứng, chứng thực theo quy định. Sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý, ngày 09 tháng 3 năm 2016 UBND thị xã Quảng Yên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 2029 mang tên hộ bà Vũ Thị Huyền Trang, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị được bố mẹ cho tiền xây nhà một thời gian sau anh Lượng quay về ở cùng với mẹ con chị, do không hiểu biết về pháp luật nên chị cũng không có thắc mắc hay khiếu nại gì, chỉ đến khi chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lượng, sau đó anh Lượng có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, thì chị mới phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên hộ bà Vũ Thị Huyền Trang, chị đã làm đơn tố cáo ông Nguyễn Hữu Chí, Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường thị xã Quảng Yên về việc tham mưu cấp giấy chứng nhận không đúng như hợp đồng chuyển nhượng và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ghi tên hộ bà Vũ Thị Huyền Trang. Anh Lượng chỉ có công xây dựng hơn 10.000.000 đồng. Một số tài sản bao gồm cổng sắt, bàn ghế, xe máy, máy giặt khi xảy ra mâu thuẫn anh Lượng đã mang về nhà mẹ đẻ để sử dụng riêng.

- Về nợ chung: Chị Trang xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số tiền anh Lượng đã tạm ứng để chi phí cho việc thẩm định, định giá tài sản, chị Trang có quan điểm anh Lượng yêu cầu thì anh Lượng tự chịu chi phí.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Bùi Quang Trung có quan điểm thửa đất 175m² tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên là tài sản do ông Quy và bà Yên mua tặng cho riêng chị Trang, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc xác định thửa đất 175m² là tài sản chung của vợ chồng để chia cho anh Lượng.

Bị đơn anh Đinh Văn Lượng trình bày trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Anh và chị Vũ Thị Huyền Trang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào tháng 08 năm 2011 tại UBND xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với mẹ đẻ anh tại thôn 3, xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xúc phạm đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị Trang vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Phương Liên, sinh ngày 19/04/2012 và Đinh Gia Lâm sinh ngày 29/11/2014. Tòa án giải quyết ly hôn, anh Lượng có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Gia Lâm, chị Trang được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Phương Liên cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày 28 tháng 05 năm 2020 anh Đinh Văn Lượng có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có: 01 ngôi nhà mái bằng có diện tích 45,5m² cùng công trình phụ, xây trên diện tích đất sử dụng 175m² tại địa chỉ thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, anh Lượng xác định có trị giá 1.000.000.000đ (*một tỷ đồng*). Ngày 05 tháng 06 năm 2020 Tòa án đã thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản chung.

Theo biên bản thẩm định ngày 21/08/2020 và biên bản định giá tài sản ngày 23/11/2020 tài sản gồm có:

- 01 thửa đất 175m² có trị giá 175.000.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

- 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích $45,5\text{m}^2$ có giá trị 116.528.732đ (một trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

- 01 mái tôn $32,9\text{m}^2$ có giá trị 16.774.972đ (mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

- 01 nhà bếp có diện tích $33,6\text{m}^2$ có giá trị 46.587.169đ (bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi chín đồng).

- 01 bể nước có khối lượng $6,16\text{m}^3$ có giá trị 7.858.681đ (bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi một đồng).

- 01 sân xi măng có diện tích $32,9\text{m}^2$ có giá trị 2.927.179đ (hai triệu chín trăm hai bảy nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), hiện tại chị Trang đang quản lý.

- 01 chiếc xe mô tô Wave Anpha BKS 14X1 - 241.08 có giá trị 10.000.000đ (mười triệu đồng); 01 chiếc tủ gỗ 03 buồng giá 2.000.000đ (hai triệu đồng); riêng 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 cổng sắt; 01 máy giặt; 01 chiếc điện thoại di động; 01 bình nóng lạnh các đương sự tự xác định và thống nhất có giá trị 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Giá trị tài sản hiện tại anh Lượng đang quản lý là 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản là 394.676.733đ (ba trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

- Về số tiền anh Lượng đã tạm ứng để chi phí cho việc thẩm định; định giá tài sản và án phí anh Lượng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Anh Lượng xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 22/7/2021 anh Lượng giao nộp 01 bộ hồ sơ chứng thư và báo cáo kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH thẩm định giá Sài Gòn (bản gốc) cho Tòa án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Mạnh Phú có quan điểm: Thừa đất 175m^2 tại địa chỉ thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và giá trị tài sản trên đất có giá trị 1.444.732.000đ (một tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử xác định là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân để chia cho anh Lượng và chị Trang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn Quy và bà Đinh Thị Yên trình bày trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Năm 2016 ông, bà bỏ tiền ra mua của bà Trần Thị Xuân một thửa đất có diện tích 175m^2 tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, để tặng cho riêng con gái là Vũ Thị Huyền Trang, sau khi hoàn tất thủ tục mua

bán UBND thị xã Quảng Yên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 502349 cấp cho hộ bà Vũ Thị Huyền Trang nên không phải là tài sản chung của chị Trang và anh Lượng ông, bà không đồng ý đó là tài sản chung của vợ chồng để chia cho anh Lượng.

- *Người làm chứng bà Trần Thị Xuân trình bày trong bản tự khai:* Năm 2016 bà có chuyển nhượng 01 thửa đất cho ông Vũ Văn Quy với diện tích là 175m² tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, do bà già yếu nên thủ tục mua bán bà giao lại cho con trai là Nguyễn Văn Tịnh làm thủ tục giấy tờ, sau khi làm thủ tục chuyển nhượng, anh Tịnh có thông báo cho bà đã nhận đủ số tiền 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Sau đó bà cùng chị Vũ Thị Huyền Trang con gái ông Quy đến UBND xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên làm thủ tục công chứng, chứng thực theo quy định.

Anh Nguyễn Văn Tịnh có lời khai: Năm 2016 mẹ anh là bà Trần Thị Xuân, sinh năm 1932; địa chỉ thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh có chuyển nhượng cho ông Vũ Văn Quy 01 thửa đất có diện tích 175m² tại địa chỉ thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên hai bên thỏa thuận chuyển nhượng với số tiền 260.000.000đ (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*), ông Quy có đặt cọc cho anh số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) ở tại quán nhà anh Tống Văn Anh, sau đó anh có viết giấy nhận tiền đặt cọc có sự chứng kiến của anh Tống Văn Anh, số tiền còn lại, hai bên thỏa thuận sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sẽ thanh toán hết số tiền còn lại.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên nơi chị Trang và anh Lượng sinh sống, ông Đặng Văn Quý trưởng thôn 9 và ông Đinh Văn Lượng phó chủ tịch UBND xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên cho biết, Chị Vũ Thị Huyền Trang và anh Đinh Văn Lượng kết hôn với nhau vào tháng 08/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm nhau. Hai bên sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay, khi ly thân anh Lượng về nhà mẹ đẻ tại thôn 3, xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên ở, còn chị Trang và các con vẫn sinh sống tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên. Quan điểm của địa phương nếu hai bên không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật

để giải quyết. Quá trình chung sống chị Trang và anh Lượng có 02 con chung là Đình Phương Liên, sinh ngày 19/4/2012 và Đình Gia Lâm sinh ngày 29/11/2014, hiện nay chị Trang đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu vợ chồng không về đoàn tụ được đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 04/08/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2021/QĐ-SCBSBA ngày 17/08/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên đã căn cứ: Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 229, khoản 1, khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33; Điều 39; khoản 1 Điều 56; Điều 57; điểm b khoản 2 Điều 59; khoản 2 Điều 62; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Trang về việc ly hôn và nuôi con chung.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Đình Văn Lượng về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Vũ Thị Huyền Trang được ly hôn với anh Đình Văn Lượng.

2. *Về con chung*: Giao con chung Đình Phương Liên, sinh ngày 19/04/2012 cho chị Vũ Thị Huyền Trang được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Đình Gia Lâm sinh ngày 29/11/2014 cho anh Đình Văn Lượng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Giao cho chị Vũ Thị Huyền Trang được quyền quản lý sử dụng đất và tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- 01 thửa đất 175m² có trị giá 175.000.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

- 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 45,5m² có giá trị 116.528.732đ (*một trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng*).

- 01 mái tôn $32,9\text{m}^2$ có giá trị 16.774.972đ (*mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm bảy hai đồng*).

- 01 nhà bếp có diện tích $33,6\text{m}^2$ có giá trị 46.587.169đ (*bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn một trăm sáu chín đồng*).

- 01 bể nước có khối lượng $6,16\text{m}^3$ có giá trị 7.858.681đ (*bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mốt đồng*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 502349, số vào sổ cấp GCN: CH 06382 do UBND xã Quảng Yên cấp ngày 17/03/2021 mà tên bà Vũ Thị Huyền Trang tại địa chỉ thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- 01 sân xi măng có diện tích $32,9\text{m}^2$ có giá trị 2.927.179đ (*hai triệu chín trăm hai bảy nghìn một trăm bảy chín đồng*). Theo biên bản định giá tài sản ngày 23/11/2020. Có giá trị là: 394.676.733đ (*ba trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm ba ba đồng*).

Chị Trang có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh Lượng số tiền là: 168.171.700đ (*một trăm sáu mươi tám triệu một trăm bảy mốt nghìn bảy trăm đồng*), trừ đi giá trị tài sản anh Lượng đang quản lý sử dụng là 29.000.000đ (*hai mươi chín triệu đồng*), chị Trang còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lượng số tiền 139.171.700đ. (*một trăm ba mươi chín triệu một trăm bảy mốt nghìn bảy trăm đồng*).

Anh Đinh Văn Lượng được sở hữu các tài sản gồm có:

- 01 chiếc xe mô tô Wave Anpha BKS 14X1 - 241.08 có giá trị 10.000.000đ (*mười triệu đồng*); 01 chiếc tủ gỗ 03 buồng giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*); 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 cổng sắt; 01 máy giặt; 01 chiếc điện thoại di động; 01 bình nóng lạnh có giá trị 17.000.000đ (*mười bảy triệu đồng*). Tổng số tiền là 29.000.000đ (*hai mươi chín triệu đồng*).

4. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Trang về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Vũ Thị Huyền Trang.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Vũ Thị Huyền Trang phải hoàn trả lại cho anh Đinh Văn Lượng số tiền tiền 3.150.000đ (*ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, chế độ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/08/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 04/08/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên về phần chia tài sản chung với nội dung: Bản án sử dụng kết quả định giá trong khi việc định giá tài sản không bảo đảm quy định của pháp luật là vi phạm khoản 8 Điều 94, khoản 1 Điều 108 và khoản 1 Điều 109 Bộ luật Tố tụng dân sự; bản án không xác định UBND thị xã Quảng Yên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; bản án sơ thẩm không xác định quyền sử dụng đất cho chị Trang là không phù hợp.

Ngày 14/08/2021, chị Vũ Thị Huyền Trang kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 04/08/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên về phần tài sản chung. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn anh Đinh Văn Lượng, không công nhận thửa đất và tài sản trên đất trong bản án là tài sản chung của chị Trang và anh Lượng.

Ngày 17/08/2021 anh Đinh Văn Lượng kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 04/08/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên về phần tài sản chung. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng: Xem xét lại giá trị đất theo giá thị trường tại thời điểm xét xử để chia tài sản chung của chị Trang và anh Lượng trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất 175m² tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh để đảm bảo công bằng và đề nghị chia đôi khối tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Trang tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2021 có nội dung: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm tại cấp sơ thẩm và đơn kháng cáo, chị cho rằng thửa đất 175m² và tài sản trên đất tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh là tài sản riêng của chị, chị không đồng ý chia cho anh Lượng. Đối với kết quả định giá tài sản ở cấp sơ thẩm, chị tôn trọng kết quả của Hội đồng định giá nhưng không đồng ý chia giá trị đất cho anh Lượng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Lượng tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2021 có nội dung: Anh vẫn giữ nguyên quan điểm tại cấp sơ thẩm và đơn kháng cáo, anh cho rằng thửa đất 175m² tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh là tài sản chung của vợ chồng, được mua từ tiền tích cóp của hai vợ chồng. Đối với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá ở cấp sơ thẩm anh không đồng ý, theo anh giá trị của thửa đất trên bằng giá của Chứng thư là 07 triệu đồng/m² hoặc thấp hơn nhưng không phải 01 triệu đồng/m² như kết quả định giá, anh không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng ninh giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên; nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng không yêu cầu định giá lại chỉ đề nghị Hội đồng xét xử tham khảo giá đất tại chứng thư thẩm định giá do bị đơn cung cấp để giải quyết cho phù hợp.

Tại phần tranh luận nguyên đơn không đồng ý với giá đất tại chứng thư thẩm định giá do bên bị đơn cung cấp và có quan điểm “tôn trọng giá đất” do Hội đồng định giá đã đưa ra đồng thời giữ nguyên quan điểm đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là tài sản riêng của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm xin rút phần kháng nghị về thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ liên quan đến việc định giá và sử dụng kết quả định giá trong Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên. Đối với kháng cáo của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Quảng Ninh có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là tài sản chung, việc chia theo tỷ lệ chị Trang được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung là phù hợp với công sức tạo dựng và đóng góp của các bên đương sự. Song do lời khai của bà Xuân còn có nhiều mâu thuẫn; về giá đất chưa có sự thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để thu thập bổ sung chứng cứ và xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh, Đơn kháng cáo của chị Vũ Thị Huyền Trang và anh Đinh Văn Lượng được thực hiện trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng nghị và kháng cáo:

Về thửa đất có diện tích 175m² trên xây dựng ngôi nhà mái bằng diện tích 45m² cùng công trình phụ có địa chỉ tại thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, bản án sơ thẩm xác định là tài sản chung của vợ chồng anh Lượng chị Trang và đã tiến hành định giá để chia là có căn cứ bởi lẽ: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì nhà và đất này có được trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh Lượng chị Trang, hiện tại không có tài liệu nào thể hiện đây là tài sản riêng của chị Trang, do đó chị Trang kháng cáo cho rằng đất và tài sản trên đất đang tranh chấp không phải là tài sản chung và không đồng ý chia cho anh Lượng là không có căn cứ chấp nhận.

Về việc Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên nêu “Bản án sơ thẩm không xác định UBND thị xã Quảng Yên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Dân sự”, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy sau khi khiếu nại của chị Trang về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giải quyết và chị Trang đã rút yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nên bản án sơ thẩm đã “đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Vũ Thị Huyền Trang” và theo đó không xác định UBND thị xã Quảng Yên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng, phù hợp với diễn biến của quá trình giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến quyền lợi của UBND thị xã Quảng Yên cũng như của các đương sự. Đến thời điểm xét xử phúc thẩm các đương sự và UBND thị xã Quảng Yên cũng không có ý kiến khiếu nại gì, do đó không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên về vấn đề xác định UBND thị xã Quảng Yên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về giá đất, trong Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên và trong đơn kháng cáo của anh Đinh Văn Lượng nêu có vi phạm trong việc thu thập tài liệu chứng cứ, kết quả định giá đất của Hội

đồng định giá chưa sát với giá thị trường đồng thời anh Lượng kháng cáo “cần định giá lại giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự khi chia tài sản” và đề nghị tham khảo giá đất theo Chứng thư và báo cáo kết quả thẩm định giá do anh Lượng cung cấp khi chia tài sản, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khi tiến hành định giá tài sản, ngoài thành phần Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật thì còn có sự tham gia của cả chị Trang và anh Lượng, tại các phiên hòa giải và tiếp cận, công khai chứng cứ anh Lượng không có khiếu nại kết quả định giá, chỉ yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm anh Lượng kháng cáo về giá đất thấp nhưng cũng không yêu cầu định giá lại còn chị Trang có quan điểm “tôn trọng kết quả định giá”. Đối với giá trong Chứng thư và báo cáo kết quả thẩm định giá do anh Lượng đưa ra không được chị Trang chấp nhận nên không có căn cứ để xác định giá trị quyền sử dụng đất để chia. Như vậy việc bản án sơ thẩm căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá để chia là đúng.

Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bản án sơ thẩm xác định công sức đóng góp của chị Trang nhiều hơn và đã chia cho chị Trang được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung là phù hợp.

Về nội dung kháng nghị về tuyên án của Tòa án cấp sơ thẩm: Trong Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên nêu chưa xác lập quyền sử dụng đất cho chị Trang và không tuyên cụ thể số hiệu, địa chỉ thửa đất, xét thấy nội dung kháng nghị này là đúng nên chấp nhận sửa lại cho đúng để bảo đảm cho việc thi hành bản án.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận phần kháng nghị về “nội dung tuyên án” trong Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/08/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên; không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Huyền Trang và kháng cáo của anh Đinh Văn Lượng. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của chị Trang, anh Lượng không được chấp nhận nên chị Trang, anh Lượng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh “về nội dung tuyên án”.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Huyền Trang và anh Đinh Văn Lượng.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 229, khoản 1, khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 33; Điều 39; khoản 1 Điều 56; Điều 57; điểm b khoản 2 Điều 59; khoản 2 Điều 62; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền Trang về việc ly hôn và nuôi con chung.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Đinh Văn Lượng về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tuyên xử:

Về tài sản chung: Giao cho chị Vũ Thị Huyền Trang được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- 01 thửa đất 175m² có trị giá 175.000.000đ (*một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

- 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 45,5m² có giá trị 116.528.732đ (*một trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm ba hai đồng*).

- 01 mái tôn 32,9m² có giá trị 16.774.972đ (*mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm bảy hai đồng*).

- 01 nhà bếp có diện tích 33,6m² có giá trị 46.587.169đ (*bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn một trăm sáu chín đồng*).

- 01 bể nước có khối lượng 6,16m³ có giá trị 7.858.681đ (*bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám một đồng*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 502349, số vào sổ cấp GCN: CH 06382 do UBND xã Quảng Yên cấp ngày 17/03/2021 mà tên bà Vũ Thị Huyền Trang tại địa chỉ thôn 9, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- 01 sân xi măng có diện tích 32,9m² có giá trị 2.927.179đ (*hai triệu chín trăm hai bảy nghìn một trăm bảy chín đồng*). Theo biên bản định giá tài sản ngày

23/11/2020. Có giá trị là: 394.676.733đ (*ba trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm ba ba đồng*).

Thửa đất và các tài sản trên đất nêu trên có địa chỉ tại: Thửa đất số 02A, tờ bản đồ QH dân cư tự xây thôn 9, xã Sông khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng ninh, đã được UBND thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 502349 ngày 17/03/2021 mang tên Vũ Thị Huyền Trang.

Chị Trang có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh Lượng số tiền là: 168.171.700đ (*một trăm sáu mươi tám triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*), trừ đi giá trị tài sản anh Lượng đang quản lý sử dụng là 29.000.000đ (*hai mươi chín triệu đồng*), chị Trang còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lượng số tiền 139.171.700đ. (*một trăm ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*).

Anh Đinh Văn Lượng được sở hữu các tài sản gồm có:

- 01 chiếc xe mô tô Wave Anpha BKS 14X1 - 241.08 có trị giá 10.000.000đ (*mười triệu đồng*); 01 chiếc tủ gỗ 03 buồng trị giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*); 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 cổng sắt; 01 máy giặt; 01 chiếc điện thoại di động; 01 bình nóng lạnh có trị giá 17.000.000đ (*mười bảy triệu đồng*). Tổng số tiền là 29.000.000đ (*hai mươi chín triệu đồng*). Toàn bộ số tài sản này hiện anh Lượng đang quản lý, sử dụng.

Về chi phí tố tụng: Buộc chị Vũ Thị Huyền Trang phải hoàn trả lại cho anh Đinh Văn Lượng số tiền tiền 3.150.000đ (*ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Về án phí: Chị Vũ Thị Huyền Trang và anh Đinh Văn Lượng mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Trang và anh Lượng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên theo biên lai thu tiền số 0001876 ngày 16/08/2021 và biên lai thu tiền số 0001879 ngày 23/08/2021.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Quảng Yên;
- Đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Đoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh

Bùi Đức Thanh

Vũ Văn Đoan

